

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ CỘNG HOÀ VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ CẦN PHÁT HUY TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ĐỖ MINH CƯỜNG^(*)

Chế độ dân chủ cộng hoà - dân chủ nhân dân là thành quả vĩ đại của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ - Cách mạng tháng Tám. Đây là hình thức đầu tiên của hệ thống chính trị (HTCT) do Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta sáng tạo ra trên chặng đường đi tới chủ nghĩa xã hội. Trung tâm của chế độ chính trị (CDCT) này là sự tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, chứ không vì lợi ích riêng của một đảng, tầng lớp hay giai cấp nào. Lịch sử đã chứng minh rằng chế độ dân chủ cộng hoà là một chế độ chính trị và hình thức nhà nước phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, văn hoá nước ta trong một thời gian dài; nó đã thống nhất, phát huy được sức mạnh to lớn của toàn bộ HTCT và của toàn thể xã hội, tạo nên sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết dân tộc - của dân chủ. Những đặc điểm ưu trội và giá trị của chế độ này cần được tiếp tục nghiên cứu để phát huy, phát triển trong công cuộc đổi mới HTCT do Đảng lãnh đạo ở nước ta hiện nay.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là kiến trúc sư của hệ thống chính trị dân chủ đầu tiên ở nước ta. Bản thiết kế về chế độ chính trị dân chủ cộng hoà - chế độ dân chủ nhân dân có căn cứ trước hết vào đặc điểm riêng của xã hội Việt Nam (Người đã trình bày quan điểm này trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản năm 1924) (1, T.1, tr.464-465) và trên cơ sở học hỏi có chọn lọc, sáng tạo những tư tưởng chính trị của các nhà dân chủ phương Tây, chủ nghĩa Marx-Lenin, chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn. Trong

thực tế chế độ dân chủ cộng hoà do người thiết kế và Đảng ta xây dựng đã khánh thành vào ngày 2 tháng 9 năm 1945.

Triết lý cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi thiết kế và tổ chức xây dựng một chế độ chính trị cách mạng đầu tiên ở nước ta được tóm tắt trong hai từ *Dân chủ*. Các tư tưởng cốt yếu của Người về chế độ dân chủ là: *mọi quyền lực đều ở nơi dân; dân là chủ nhân của đất nước* (bao gồm lãnh thổ, lãnh hải với mọi

^(*) TS. Viện Khoa học tổ chức, Ban Tổ chức trung ương.

nguồn tài nguyên, cùng Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội...); *dân là chủ thể tối cao của mọi thứ quyền lực trong xã hội*. Hồ Chí Minh đã giải thích dân chủ nghĩa là *dân là chủ và dân làm chủ nhà nước*. Các tư tưởng này được trình bày khái quát trong đoạn văn sau:

“Nước ta là nước dân chủ

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân

Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra*.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*” (2, T.5, tr.698).

Có thể nói, sau *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh tên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thì đây là *Tuyên ngôn về quyền lực chính trị và bản chất của chế độ chính trị* dân chủ nhân dân của nước ta.

Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, tư tưởng cả *Nhà nước, HTCT và đất nước* đều là của dân, do dân và vì dân đã được thể chế hoá, tổ chức hoá bằng việc (i) bầu ra Quốc hội khoá đầu tiên bằng hình thức phổ thông đầu phiếu, (ii) thông qua Hiến pháp đầu tiên - Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1946 và (iii) thành lập Chính phủ liên hiệp có nguồn gốc từ Mặt trận dân tộc thống nhất. *Chữ liên hiệp* ở đây có nội hàm là: thành viên của Chính phủ các cấp tập hợp từ nhiều giai cấp, tầng lớp, đảng phái chính trị khác nhau, cùng tham gia vào

công việc quản lý đất nước.

Trên phương diện lý luận chính trị - pháp lý và phương diện tổ chức, thể chế chính trị, mặc dù trong tình trạng mới thoát khỏi chế độ thực dân - phong kiến, đất nước rất nghèo, không phát triển và dân trí thấp, song nước ta trong thời kỳ này vẫn là một nước có mức độ dân chủ, dân quyền thuộc loại cao nhất so với các nước trong khu vực, có một chế độ chính trị tiến bộ vượt bậc so với mức thu nhập bình quân đầu người. Và đây chính là một động lực mạnh mẽ và môi trường xã hội thuận lợi tạo nên sức mạnh gộp trội của quốc gia, đưa đất nước vượt qua những thử thách ác liệt của cuộc kháng chiến chống Pháp và công cuộc kiến quốc, phát triển dân sinh.

Nhà nước và CĐCT dân chủ nhân dân do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta sáng lập và lãnh đạo có yếu tố mang bản chất của hệ thống chuyên chính vô sản nhưng không phải là một hệ thống chính trị chuyên chính vô sản theo đúng như các tư tưởng của K. Marx và V. I. Lenin, cũng không giống mô hình Xô Viết của Nga và Liên Xô. Nó cũng không phải là bản sao của chế độ cộng hoà tư sản hoặc chế độ cộng hoà nhân dân của Trung Quốc cùng thời. Đó là kết quả của sự sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta về xây dựng, phát triển Nhà nước và HTCT mới trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa Marx-Lenin vào thực tiễn của xã hội Việt Nam.

Xét về phương diện lý luận và pháp lý trong bộ Hồ Chí Minh toàn tập (gồm 12 tập), Chủ tịch Hồ Chí Minh không một lần nào nói đến khái niệm *hệ thống chuyên chính vô sản*; 27 lần dùng khái niệm *chuyên chính vô sản* hoặc *nền*

chuyên chính vô sản, song chủ yếu để diễn tả tư tưởng chính trị của Marx, Lenin và mô hình chính trị của Liên Xô hoặc các nước XHCN khác; trong 27 lần dùng khái niệm chuyên chính vô sản đó, Hồ Chí Minh chỉ có 4 lần áp dụng vào xã hội nước ta để chỉ một hình thức tổ chức xã hội có chức năng chống lại các thế lực phản cách mạng và bọn tội phạm khi Người bàn đến nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang và ngành nội chính. Hồ Chí Minh rất ít dùng khái niệm chuyên chính vô sản như một hình thức, mô hình tổ chức quyền lực chính trị hoặc như một bộ máy, công cụ của Đảng để lãnh đạo quá trình xây dựng xã hội mới ở Việt Nam. Trái lại, vị trí, vai trò đó thuộc về hình thức tổ chức nhà nước, tổ chức xã hội phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của nước ta là hình thức *dân chủ cộng hoà* hay *dân chủ nhân dân*. Trong bộ Hồ Chí Minh toàn tập, Hồ Chí Minh đã dùng khái niệm *dân chủ cộng hoà* trong 733 tài liệu, khái niệm *dân chủ nhân dân* trong 169 tài liệu.

Trong khi hầu hết các nước trong hệ thống XHCN bấy giờ, đứng đầu là Liên Xô, tổ chức quyền lực chính trị và hệ thống chính trị theo mô hình chuyên chính vô sản, thì Hồ Chí Minh vẫn kiên trì xây dựng và phát triển mô hình dân chủ cộng hoà để phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, để tiến tới mục tiêu xây dựng và phát huy nền dân chủ ở Việt Nam. *Thể chế xã hội dân chủ cộng hoà - cũng là tên nước của Việt Nam trong hơn 30 năm (1945-1976) - là một sáng tạo lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta về thực tiễn và lý luận chính trị, pháp lý.*

Chế độ chính trị theo kiểu dân chủ cộng hoà có đặc trưng cơ bản là *chế độ*

dân chủ đối với toàn thể nhân dân Việt Nam. Điều này đã được xác định trong điều thứ nhất của Hiến pháp năm 1946 là “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo” (3, tr.8). *Các nguyên tắc tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị và của xã hội Việt Nam* theo mô hình dân chủ cộng hoà được quy định trong Lời nói đầu của Hiến pháp năm 1946:

“ - Đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo.

Đảm bảo các quyền tự do dân chủ.

Thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân.

Với tinh thần đoàn kết, phấn đấu sẵn có của toàn dân, dưới một chính thể dân chủ rộng rãi, nước Việt Nam độc lập và thống nhất tiến bước trên đường vinh quang, hạnh phúc cùng nhịp với trào lưu tiến bộ của thế giới và ý nguyện hoà bình của nhân loại” (3, tr.7-8).

Điều đáng chú ý là trong Lời nói đầu của Hiến pháp - đoạn được chúng tôi nhấn mạnh ở trên - *tinh thần đoàn kết quốc tế, hội nhập quốc tế* của nước ta đã được khẳng định.

Tính chất *dân chủ nhân dân* hay nhân dân làm chủ được quy định tại Điều 6 của Hiến pháp 1959: “Tất cả các cơ quan nhà nước đều phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân. Tất cả các nhân viên cơ quan nhà nước đều phải trung thành với chế độ dân chủ nhân dân, tuân theo Hiến pháp và pháp luật, hết lòng hết

sức phục vụ nhân dân” (3, tr.7-8).

Cơ sở hạ tầng - cơ sở kinh tế của chế độ dân chủ nhân dân là một nền kinh tế nhiều thành phần. Hiến pháp 1959 đã thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần và sự tồn tại nhiều hình thức sở hữu của nhân dân ở điều 11: Ở nước Việt Nam dân chủ cộng hoà trong thời kỳ quá độ, các hình thức sở hữu chủ yếu về tư liệu sản xuất hiện nay là: hình thức sở hữu của Nhà nước tức là của toàn dân, hình thức sở hữu của hợp tác xã tức là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động, hình thức sở hữu của người lao động riêng lẻ và hình thức sở hữu của nhà tư sản dân tộc” (3, tr.7-8).

Hiến pháp 1959 cũng khẳng định “Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu về ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác của nông dân”, quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của nhà tư sản dân tộc, người lao động thủ công và những người lao động riêng lẻ; “bảo hộ quyền sở hữu của công dân về của cải thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở và các thứ vật dụng khác” (điều 14, điều 20), (3, tr.7-8).

Đáng tiếc là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trước hết là nguyên nhân chiến tranh ác liệt kéo dài, tư tưởng *dân chủ nhân dân* trong Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959 đã không được thể chế hoá thành các bộ luật để tạo nên một chế độ hay HTCT hoàn chỉnh; ở một số nơi và trong những khoảng thời gian nhất định, nhất là giai đoạn từ cuối những năm 1960 đến năm 1986 theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu nước ta chuyển mạnh sang mô hình hệ thống chuyên chính vô sản, đã xảy ra các hiện tượng hoặc tình trạng

mất dân chủ nghiêm trọng. Nhưng xét về phương diện tư tưởng, lý luận chính trị và phương diện công tác tổ chức - cán bộ của HTCT, chế độ dân chủ nhân dân có một số đặc điểm ưu trội và giá trị lâu dài sau đây:

Một là, chế độ dân chủ của nước ta là một chế độ chính trị, chế độ nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Biểu hiện rất rõ nét của đặc điểm này ở trong cơ sở chính trị - pháp lý (Hiến pháp 1946, 1959 và các luật, sắc lệnh...); trong cơ cấu tổ chức của Nhà nước và hệ thống chính trị cũng như cơ cấu của đội ngũ chính khách, cán bộ, công chức, mục đích vì dân được thể hiện rõ nét trong các chính sách đem lại lợi ích cho nhân dân: diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, chia ruộng đất cho nông dân..., vai trò của dân thông qua các đoàn thể quần chúng đại diện thực hiện chức năng giám sát Chính phủ, Quốc hội và HTCT nói chung được thực thi và phát huy tác dụng tích cực.

Tính chất nhân dân của Nhà nước và chế độ chính trị còn thể hiện ở chỗ nhiều người giữ các vị trí chủ chốt trong bộ máy Nhà nước không phải là đảng viên của Đảng cầm quyền. Trong Quốc hội và Chính phủ những khoá đầu tiên và nhiều khoá tiếp theo còn có nhiều chức vụ quan trọng (Phó Chủ tịch nước, Bộ trưởng, Thứ trưởng và tương đương...) là người ngoài Đảng, thuộc thành phần nhân sĩ trí thức, tư sản dân tộc... Bố trí cán bộ như vậy không phải vì chủ nghĩa hình thức, mà xuất phát từ quan điểm ưu tiên tuyển chọn người tài - đức, sử dụng nhân tài để phát triển quốc gia. Những người như Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Văn Tố, Phạm Khắc Hoè, Bùi Bằng Đoàn, Phan Anh, Đặng

Thai Mai, Trần Đăng Khoa, Trịnh Văn Bô, Nguyễn Văn Huyền, Tạ Quang Bửu, Tôn Thất Tùng... không phải là đảng viên nhưng vẫn được Nhà nước trọng dụng và họ đã có những cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Kế thừa và phát triển tư tưởng xây dựng chế độ dân chủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng X đã nhấn mạnh: “Dân chủ XHCN vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân... Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thực sự là công bộc của nhân dân. Xác định các hình thức tổ chức và có cơ chế để nhân dân thực hiện các quyền dân chủ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội. Đề cao trách nhiệm của các tổ chức Đảng, Nhà nước... (4, tr.125).

Hai là, Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ là đại biểu, là đội tiên phong của giai cấp công nhân mà còn là đại biểu và đội tiên phong của toàn thể nhân dân và dân tộc Việt Nam.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội chủ yếu bằng đường lối, chủ trương, bằng công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, bằng hành động gương mẫu của mỗi đảng viên, bằng công tác tổ chức kiểm tra của Đảng song hệ thống tổ chức của Đảng lại không cần tách biệt và tồn tại song trùng với hệ thống hành chính của Nhà nước. Trong nhiệm kỳ của Đại hội II của Đảng và những năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là “Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời Đảng của dân tộc”. Báo cáo Chính trị mà Người đọc tại

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2 - 1951) nhấn mạnh:

“Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam” (1, T.6, tr.175).

Sang nhiệm kỳ của Đại hội III, năm 1961, luận điểm Đảng của cả dân tộc vẫn được Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định: “Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị” (1, T.10, tr.467). Có nghĩa là Đảng không được đặt lợi ích của một giai cấp nào lên trước hoặc lên trên lợi ích của dân tộc.

Sau nhiều biến đổi của thời cuộc, tư tưởng Hồ Chí Minh về sứ mệnh và bản chất của Đảng vẫn giữ nguyên giá trị và đã được đưa vào Điều lệ Đảng được Đại hội X thông qua ngày 25/4/2006: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc” (5, tr.3-4).

Trong thời kỳ đầu tiên của Nhà nước cách mạng, vai trò lãnh đạo của Đảng được *hoá thân* vào Nhà nước, được *thông qua* Chính phủ, Quốc hội và Mặt trận Tổ quốc; uy tín và sức mạnh của Đảng được thể hiện chủ yếu qua vai trò của cá nhân lãnh tụ Hồ Chí Minh và của mỗi đảng viên nằm trong tổ chức nhà nước. Mặc dù vậy, Đảng vẫn thực hiện chính sách “cầu hiền” từ những nhân tài ngoài Đảng, dành chỗ cho những người ngoài Đảng tham gia và phát huy đức - tài trong Nhà nước và

CĐCT. Đã có giai đoạn Đảng ta lãnh đạo Nhà nước trong điều kiện không “chính danh” và có sự tồn tại hợp pháp của đảng chính trị đối lập, kể cả đó là đảng chính trị đối lập mang tính chất phản động của đảng Việt Quốc, Việt Cách núp dưới bóng quân Tưởng. Khi vận nước hết sức khó khăn, ở thế “ngàn cân treo sợi tóc” Đảng ta đã tuyên bố “tự giải tán” (ngày 11 tháng 11 năm 1945), rút vào hoạt động bí mật nhằm củng cố và phát huy đại đoàn kết dân tộc, thực hiện sách lược chính trị “lùi một bước, tiến hai bước” đánh thắng kẻ thù của dân tộc. Đáng chú ý là trong tình trạng không còn địa vị chính trị - pháp lý, không có bộ máy tổ chức chính thức và phải hoạt động bất hợp pháp, sự lãnh đạo của Đảng vẫn được nhân dân chấp hành; uy tín và năng lực của Đảng đối với nhân dân vẫn ngày càng cao hơn.

Vượt qua một giáo điều lý luận phổ quát đã tồn tại lâu nay về Đảng và Nhà nước cầm quyền chỉ là của một giai cấp, chỉ là sự chuyên chính của giai cấp vô sản, Báo cáo Chính trị của Đại hội X đã tiếp nhận giá trị từ tư tưởng Hồ Chí Minh trong chế độ dân chủ nhân dân khi diễn đạt về sứ mệnh và bản chất của Đảng.

Ba là, phương châm, nguyên tắc lãnh đạo của Đảng luôn luôn xuất phát từ lợi ích của nhân dân, dân tộc và phát huy được các giá trị tinh hoa của văn hoá Việt Nam.

Mặc dù hình thức, phương thức lãnh đạo của Đảng đã nhiều lần thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện nhưng linh hồn chỉ đạo nội dung của nó là các triết lý, phương châm và nguyên tắc hoạt động thì vẫn ổn định và

luôn sáng suốt. Đó là:

- Sứ mệnh của Đảng là phục vụ dân tộc và Tổ quốc; luôn luôn đặt quyền lợi của nhân dân và dân tộc lên trên lợi ích của giai cấp, tầng lớp, đảng phái; lên trên lợi ích gia đình, cá nhân người đảng viên.

- Phát huy tinh thần yêu nước thương nòi; tinh thần tự hào, tự tôn, tự cường của dân tộc Việt Nam.

- Phát huy tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” và ý chí thống nhất đất nước; gắn độc lập dân tộc với định hướng xã hội chủ nghĩa, với các bước đi phù hợp.

- Đánh giá, sử dụng cán bộ cần coi trọng cả đức lẫn tài, đức là gốc của con người; đề cao vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của người lãnh đạo, của cán bộ, đảng viên và của từng cá nhân trong tổ chức.

- Thực hiện đại đoàn kết dân tộc để thành công; đoàn kết trong Đảng, giữa Đảng với nhân dân và hệ thống chính trị; gắn đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế.

- Triết lý hành động “dĩ bất biến ứng vạn biến”.

- Nhân ái, khoan dung, yêu hoà bình, muốn làm bạn với tất cả các dân tộc và quốc gia khác.

Những phương châm, nguyên tắc trên là những tư tưởng chính trị lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh được đúc kết từ những giá trị cốt lõi, tinh hoa văn hoá Việt Nam. Nhờ vậy, sự lãnh đạo của Đảng đã khơi dậy, phát huy được sức mạnh của dân tộc và bản sắc văn hoá Việt Nam trong nhân dân một cách tự nhiên, rộng khắp và bền vững.

Khẳng định “phát triển văn hoá để thực sự trở thành nền tảng tinh thần

của xã hội” của Đảng ta trong Báo cáo Chính trị Đại hội X là sự kế thừa và phát huy một tư tưởng quan trọng của Hồ Chí Minh và cũng chính là sự phát huy một thành quả quan trọng của chế độ chính trị dân chủ nhân dân ở nước ta.

Bốn là, thực hiện sự đồng thuận giữa CDCT với xã hội dân sự, giữa các tổ chức chính trị với các tổ chức xã hội và đoàn thể nhân dân để hạn chế các tệ nạn của bộ máy công quyền (quan liêu, tham nhũng, lãng phí...) và phát huy được năng lực tự quản, tính chủ động tích cực về chính trị của nhân dân.

Như đã nói ở trên trong cuộc kháng chiến chống Pháp và theo Hiến pháp 1946, CDCT nước ta chưa có sự phân biệt về chức năng và công tác tổ chức giữa “lãnh đạo” của Đảng và “quản lý” của Nhà nước; Đảng thực hiện các chức năng tổ chức, lãnh đạo và quản lý đất nước thông qua các đảng viên, tổ chức Đảng trong bộ máy Nhà nước và cả qua việc sử dụng, phát huy năng lực lãnh đạo, quản lý của những người ngoài Đảng ở một số ngành, địa phương và tổ chức cụ thể.

Đáng chú ý là trong giai đoạn này Mặt trận Tổ quốc có vai trò rất quan trọng đối với sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc và xây dựng xã hội dân sự văn minh, mặc dù nó chưa phải là một tổ chức chính trị chuyên nghiệp và đội ngũ cán bộ của nó chưa được công chức hoá. Có thể nói *vai trò của xã hội dân sự ở nước ta đã được phát huy ở mức độ cao trong cuộc kháng chiến chống Pháp và đây là một điều kiện quan trọng để thực hiện đại đoàn kết dân tộc*. Trong điều kiện còn khó khăn, tổ chức bộ máy và nhân sự của Đảng, Nhà nước đều thiếu, nhưng do biết dựa vào dân, phát huy

vai trò và sức mạnh của nhân dân, trong đó có năng lực tự quản, nên sự lãnh đạo của Đảng đối với CDCT vẫn đạt hiệu quả cao, xã hội vẫn phát triển đúng hướng và toàn diện.

Phương hướng lãnh đạo như vậy của Đảng có cùng bản chất với kiểu lãnh đạo trong mô hình “nhà nước nhỏ, xã hội lớn” được thế giới coi trọng, đề cao trong thời gian gần đây...

Năm là, trong CDCT dân chủ cộng hoà Đảng ta đã xây dựng và quản lý được một đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, vững mạnh, không ngừng được bồi dưỡng, rèn luyện về lý tưởng, đạo đức và tri thức; có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc, nhiệm vụ; sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì Tổ quốc và nhân dân; được quần chúng tin yêu và giúp đỡ.

Hiện nay, trước “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, thiếu trung thực và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng” người ta thường lý giải nguyên nhân của nó là do hoàn cảnh khách quan mang lại - do tác động mặt trái của cơ chế thị trường và do mức sống thấp của đại đa số cán bộ, đảng viên...

Sự thật không đơn giản như vậy. Hoàn cảnh và mức sống của cán bộ - đảng viên trong chế độ dân chủ cộng hoà còn khó khăn, thiếu thốn hơn chúng ta ngày nay gấp nhiều lần, song số lượng, tỷ lệ đảng viên bị hư hỏng, thoái hoá, biến chất cũng thấp hơn hiện nay rất nhiều lần; uy tín đảng viên trước nhân dân và xã hội trong thời kỳ đó rất cao. Thực trạng của đội ngũ cán bộ trong HTCT có mối quan hệ nhân quả

với công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ của Đảng. Trong chế độ dân chủ nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo của Đảng ta rất quan tâm tới công tác giáo dục, bồi dưỡng chính trị, tư tưởng và đạo đức cách mạng cho đảng viên, quần chúng thanh niên. Bản thân Bác Hồ là một tấm gương mẫu mực về lối sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư; về sự lao động, phấn đấu quên mình vì Tổ quốc và vì hạnh phúc của nhân dân. Cán bộ, đảng viên các cấp đều có chung một mong muốn học tập tấm gương của Người và tự giác giữ gìn đạo đức, lối sống trong sáng của một người đảng viên; mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, thói tư lợi đều bị xã hội lên án. Trong một môi trường xã hội lành mạnh như vậy thì mặc dù còn rất thiếu các văn bản luật và quy chế công tác nhưng tính kỷ cương của Đảng vẫn chặt chẽ, tệ quan liêu, tham nhũng, thói vô cảm với dân... rất khó tồn tại và phát triển. Chính cái lý tưởng đất nước độc lập, tự do và dân chủ cùng giá trị văn hoá, đạo lý tốt đẹp của dân tộc được biểu hiện qua lối sống và hành vi của đội ngũ cán bộ, đảng viên đã tạo ra sự thống nhất giữa Đảng với dân, sự đồng thuận giữa HTCT và xã hội dân sự của nước ta trong thời kỳ dân chủ cộng hoà. Ngược lại, môi trường xã hội tốt đẹp đó là điều kiện khách quan thuận lợi để đảng viên phát triển tính đảng, tính tiên phong trước sự tin cậy của nhân dân và xã hội.

Phát huy các thành tựu và giá trị của chế độ dân chủ nhân dân, Báo cáo Chính trị trình Đại hội X đã nêu nhiệm vụ *“Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thực sự là công bộc của nhân dân”* (4, tr.125). Nhiệm vụ này đòi hỏi phải tiến

hành đồng bộ nhiều biện pháp, trong đó, để “nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát”, Đảng ta nhấn mạnh tới vai trò giám sát của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước cũng như đội ngũ cán bộ, công chức của nó. Nhân dân thực hiện quyền giám sát trực tiếp của mình tại nơi cư trú, tại cơ quan, doanh nghiệp nơi công tác hoặc qua các đại biểu và cơ quan dân cử, qua các đoàn thể quần chúng...

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về chế độ dân chủ cộng hoà, về Đảng của dân tộc, Nhà nước của toàn thể nhân dân đã được thực tiễn cách mạng Việt Nam chứng minh là đúng đắn và sáng suốt. Thực tiễn xây dựng, quản lý của chế độ dân chủ cộng hoà - dân chủ nhân dân đã chứng minh rằng đây là một mô hình CĐCT và xã hội dân sự không chỉ phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh nước ta thời kỳ kháng chiến mà còn có những thành tựu và giá trị cần được tiếp tục phát huy, phát triển trong công cuộc đổi mới HTCT của nước ta giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập. H.: Chính trị quốc gia, 2002.
2. Hồ Chí Minh. Toàn tập. H.: Chính trị quốc gia, 2000.
3. Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980 và 1992). H.: Chính trị quốc gia, 1995.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X. H.: Chính trị quốc gia, 2006.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. H.: Chính trị quốc gia, 2006.